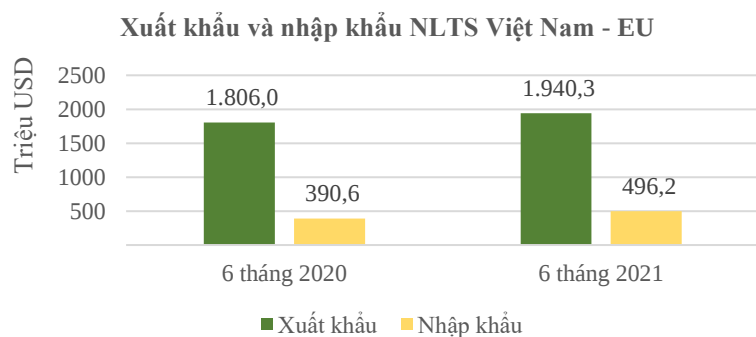


BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

Thị trường Liên minh Châu Âu - EU



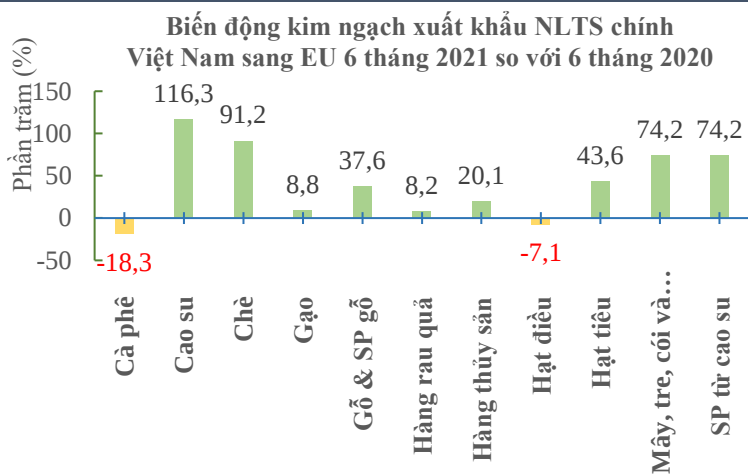
TÌNH HÌNH CHUNG



So sánh xuất nhập khẩu NLTS Việt Nam - EU

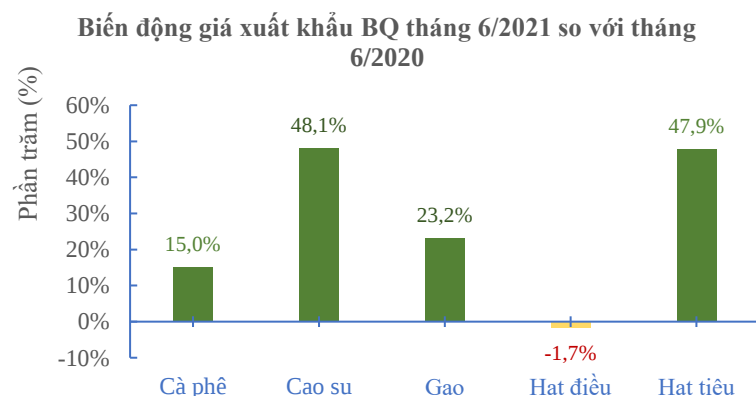
(6 tháng đầu năm 2020 và 6 tháng đầu năm 2021)

Xuất khẩu ▲ 7,4%
Nhập khẩu ▲ 27,0%



So sánh 6 tháng đầu năm 2021 với 6 tháng đầu năm 2020

Cà phê ▼ 18,3%
Cao su ▲ 116,3%
Chè ▲ 91,2%
Gạo ▲ 8,8%
Gỗ và SP Gỗ ▲ 37,6%
Rau quả ▲ 8,2%
Thủy sản ▲ 20,1%
Hạt điều ▼ 7,1%
Hạt tiêu ▲ 43,6%
Mây tre đan ▲ 74,2%
SP từ cao su ▲ 74,2%



So sánh giá xuất khẩu tháng 6/2021 với tháng 6/2020

Cà phê ▲ 15,0%
Cao su ▲ 48,1%
Gạo ▲ 23,2%
Hạt điều ▼ 1,7%
Hạt tiêu ▲ 47,9%

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Theo số liệu thống kê chính thức được cơ quan thống kê Eurostat công bố ngày 30/7, tăng trưởng của Eurozone trong Quý II/2021 đạt 2%, và đã vượt Hoa Kỳ (tăng 1,6% so với Quý trước đó) và Trung Quốc (tăng 1,3%). Cụ thể, so với cùng kỳ năm 2020, nền kinh tế Eurozone đạt mức tăng trưởng 13,7%. Nền kinh tế Italy và Tây Ban Nha - hai quốc gia chịu thiệt hại nặng nề trong làn sóng dịch đầu tiên vào năm 2020, ghi nhận mức tăng trưởng lớn nhất (lần lượt là 2,7% và 2,8%). Hiện 19 nước trong khu vực này vẫn đang nỗ lực khắc phục tác động tiêu cực của Covid-19 lên nền kinh tế của mình. Tuy nhiên, trước bối cảnh biến thể Delta đang lan rộng khiến nhiều nước phải cân nhắc áp đặt các biện pháp hạn chế mới, đà tăng trưởng tích cực trên của khối EU có thể sẽ bị đe dọa trong thời gian tới.

Cũng theo Eurostat, lạm phát của khu vực Eurozone đã tăng lên 2,2%, trên mức mục tiêu của Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) là gần 2%. Ngoài ra, giá tiêu dùng cao hơn, do chi phí năng lượng và chuỗi cung ứng bị tắc nghẽn, đang là vấn đề khó giải quyết. Trong khi đó, tỷ lệ thất nghiệp của khu vực trong tháng 6 giảm xuống còn 7,7%, thấp hơn 0,3 điểm phần trăm so với tháng trước đó.

Đầu tháng 7 vừa qua, Hội đồng Liên minh Châu Âu đã thông qua kế hoạch phục hồi kinh tế của Áo, Bỉ, Đan Mạch, Pháp, Đức, Hy Lạp, Italy, Latvia, Luxembourg, Bồ Đào Nha, Slovakia và Tây Ban Nha. Đến cuối tháng 7, Hội đồng đã chính thức phê chuẩn thêm kế hoạch phục hồi kinh tế của các nước thành viên Croatia, Litva, Slovenia và Síp, nâng tổng số quốc gia thành viên EU được hưởng từ gói hỗ trợ của khối liên minh này lên 16 nước. Hội đồng cho biết, các quốc gia trên có thể ký kết các thỏa thuận để nhận được tiền hỗ trợ trước trong khoản ngân sách hỗ trợ phân bổ cho từng quốc gia.

Ngày 14/7, Ủy ban Châu Âu đã thông qua một loạt các đề xuất chính sách về khí hậu, năng lượng, sử dụng đất và thuế nhằm giảm khí thải nhà kính ít nhất 55% vào năm 2030. Nếu đạt được mục tiêu này, chiến lược Thỏa thuận Xanh Châu Âu của khu vực này sẽ trở thành hiện thực và Châu Âu sẽ là lục địa thân thiện với khí hậu nhất thế giới vào năm 2050. Trong các loạt chính sách trên, Quy định về Sử dụng đất, lâm nghiệp và nông nghiệp đã đưa ra mục tiêu giảm 310 triệu tấn phát thải carbon thông qua các bể chứa carbon tự nhiên tới năm 2030. Cũng vào năm này, EU dự kiến sẽ hoàn thành việc trồng thêm 3 tỷ cây xanh trong toàn khu vực. Tới năm 2035, EU

hướng đến giảm mạnh phát thải khí carbon trong nông nghiệp, đặc biệt từ việc sử dụng phân bón và khí thải từ chăn nuôi.

Hiệp định EVFTA đã chính thức có hiệu lực từ ngày 1/8/2020. Theo đại diện Hiệp hội Doanh nghiệp Châu Âu (EuroCham), ngay tại thời điểm có hiệu lực, 65% hàng hóa xuất khẩu của EU sang Việt Nam và 71% hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam sang EU được miễn thuế. Trong thập kỷ tới, con số này sẽ tăng lên gần 99%. Trong 6 tháng đầu năm 2021, giá trị thương mại giữa Việt Nam và EU đạt 27 tỷ USD, tăng hơn 18% so với cùng kỳ năm 2020 và là một thành tựu đáng kể trong bối cảnh dịch bệnh toàn cầu.

Về thương mại NLTS của EU với Việt Nam, trong 6 tháng đầu năm 2021, Việt Nam đã xuất khẩu hơn 1,9 tỷ USD sang EU, trong khi nhập khẩu gần 0,5 tỷ USD, tăng 7,4% về xuất khẩu và 27,0% về nhập khẩu so với cùng kỳ năm 2020. Trong 6 tháng đầu năm 2021, về các mặt hàng nông sản xuất khẩu sang EU, cà phê và hạt điều có xu hướng giảm 18,3% và 7,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong khi đó, cao su, chè, gạo, gỗ & SP gỗ, hàng rau quả, hàng thủy sản, hạt tiêu, mây, tre, cói và thảm, và SP từ cao su tăng với tốc độ lần lượt là: 116,3%, 91,2%, 8,8%, 37,6%, 8,2%, 20,1%, 43,6%, 74,2%, và 74,2%.

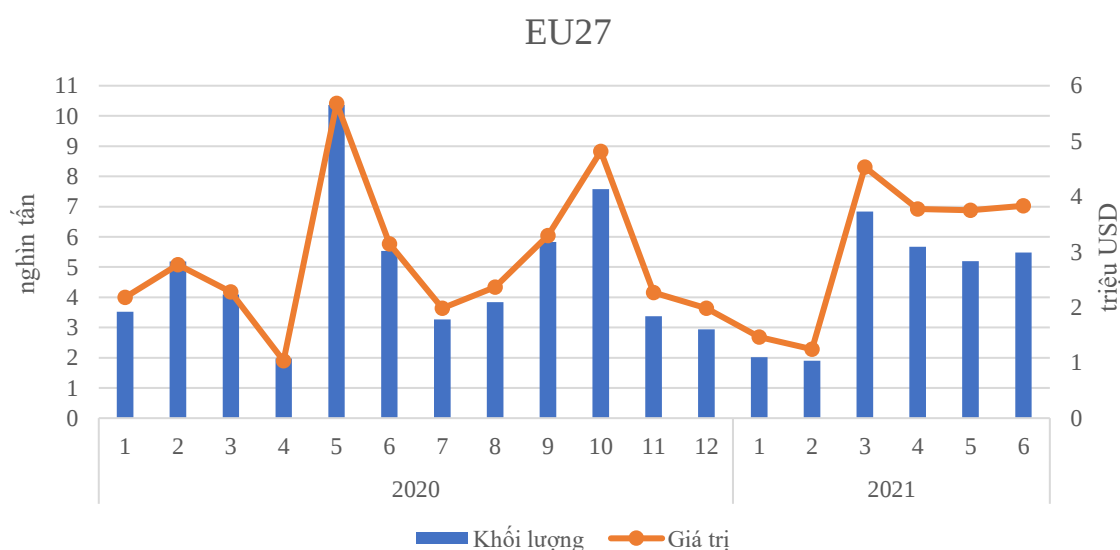
CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

1. LÚA GẠO

Theo dự báo cập nhật tháng 7/2021 của USDA, sản lượng gạo của EU trong năm 2020/21 vẫn được dự báo là sẽ đạt xấp xỉ so với năm trước với khoảng 2,0 triệu tấn. Về nhập khẩu, lượng gạo nhập khẩu năm 2020/21 của EU ước tính đạt 2,45 triệu tấn, tăng 50 nghìn tấn so với năm ngoái.

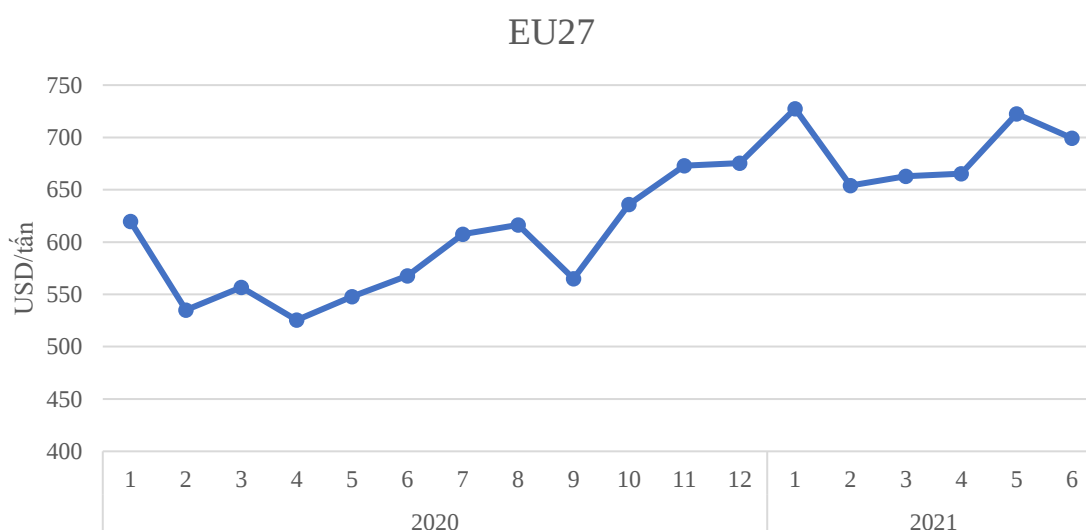
Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 6/2021, Việt Nam xuất khẩu được 5,5 nghìn tấn gạo, trị giá 3,8 triệu USD sang thị trường EU, tăng 5,6% về khối lượng và 2,2% về giá trị so với tháng trước, nhưng giảm 1,0% về khối lượng và tăng 22,0% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020. Tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này trong 6 tháng đầu năm 2021 đạt 27,1 nghìn tấn, trị giá 18,6 triệu USD, giảm 11,6% về khối lượng nhưng tăng 8,8% về giá trị so với cùng kỳ 2020.

Hình 1: Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

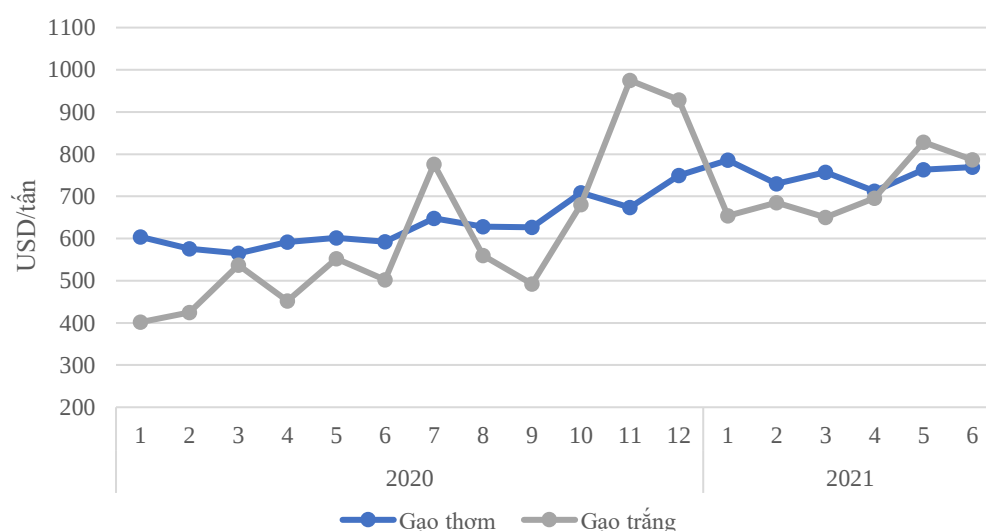
Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường EU tháng 6/2021 đạt 699,3 USD/tấn, giảm 3,2% so với tháng trước nhưng tăng 23,2% so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 2: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường EU

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 6/2021, gạo thơm là mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang EU đạt 3,8 nghìn tấn, trị giá 2,6 triệu USD (chiếm 69,3% về khối lượng và 67,7% về giá trị); so với cùng kỳ năm ngoái, xuất khẩu gạo thơm sang EU đã giảm 8,4% về khối lượng nhưng tăng 12,3% về giá trị.

Giá gạo thơm tháng 6/2021 đạt trung bình 769,2 USD/tấn, tăng 0,8% so với tháng trước và 29,8% so với cùng kỳ năm ngoái. Giá gạo trắng đạt 786,4 USD/tấn, giảm 5,1% so với tháng trước nhưng tăng 56,6% so với cùng kỳ năm ngoái.

Hình 3: Giá xuất khẩu gạo thơm và gạo trắng sang thị trường EU

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 6/2021, top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường EU là Công ty TNHH Xuất Nhập khẩu Đại Dương Xanh, Công ty CP Nông nghiệp Công nghệ

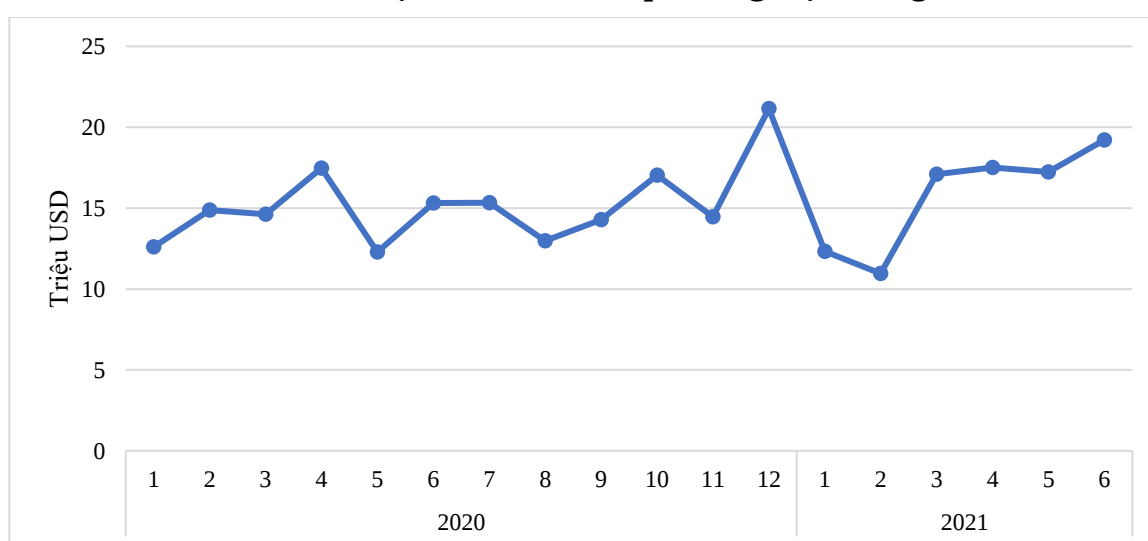
cao Trung Thành, và Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời. Ba công ty này lần lượt chiếm 27,0%, 12,5%, và 10,7% tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang thị trường EU trong tháng 6/2021. So với cùng kỳ năm 2020, kim ngạch xuất khẩu của các công ty này ước tính tăng trưởng như sau: Công ty TNHH Xuất Nhập khẩu Đại Dương Xanh tăng 6,9%, còn Công ty CP Nông nghiệp Công nghệ cao Trung Thành tăng 1281,7%, còn công ty CP Tập đoàn Lộc Trời giảm 46,5%.

2. RAU QUẢ

Theo Eurostat, sản lượng cà chua của EU dự kiến sẽ tăng 5% vào năm 2021. Sự tăng trưởng này do sản xuất cà chua chế biến tăng 9%. Mức tiêu thụ cà chua chế biến bình quân đầu người dự kiến sẽ tăng thêm 4kg (lên 21,2kg/người/năm) do nhu cầu về tương cà và cà chua bóc vỏ. Trong khi đó, sản lượng cà chua tươi của EU có thể giảm 2% trong năm 2021. Mức tiêu thụ cà chua tươi bình quân đầu người là 14,7kg/người/năm. Nhập khẩu cà chua tươi của EU dự kiến sẽ tiếp tục tăng vào năm 2021 (tăng 7% năm 2020) trong khi xuất khẩu dự kiến sẽ giảm 21%.

Giá trị xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường EU tháng 6 năm 2021 đạt 19,2 triệu USD, chiếm 6,0% tổng giá trị xuất khẩu, tăng 11,5% so với tháng trước và tăng 25,4% so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung 6 tháng đầu năm 2021, giá trị xuất khẩu đạt 94,3 triệu USD, chiếm 4,7% thị phần và tăng 8,2% so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 4: Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường EU



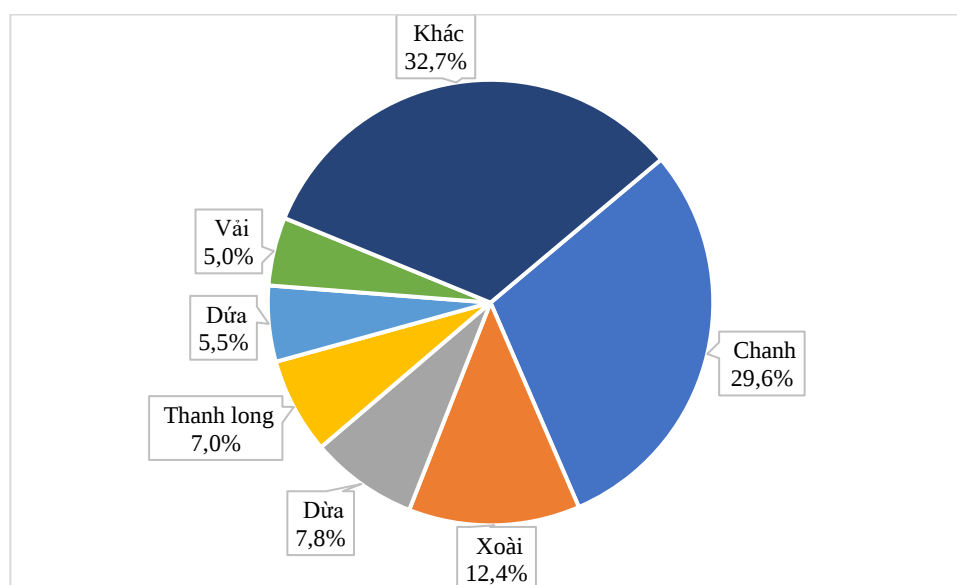
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang EU trong tháng 6 năm 2021 chủ yếu là trái cây (đạt 16,4 triệu USD, chiếm 85,5% tổng giá trị xuất khẩu rau quả sang

EU), trong đó các loại trái cây chưa qua chế biến (tươi, khô, đông lạnh...) chiếm tới 50,1% (so cùng kỳ 2020 là 45,7%), trái cây chế biến chiếm 35,4% (cùng kỳ 2020 là 38,7%). Mặt hàng rau đạt 2,9 triệu USD (chiếm 14,5%), trong đó chủ yếu là rau chưa qua chế biến (rau tươi, khô hoặc đông lạnh) với 12,7% (năm 2020 là 11,4%), rau chế biến chiếm 1,8% (năm 2020 là 4,3%).

Các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu cao nhất sang EU trong tháng 6/2021 bao gồm chanh đạt 5,7 triệu USD (chiếm 29,6% tổng giá trị xuất khẩu), giảm 11,2% so với cùng kỳ năm 2020; xoài đạt 2,4 triệu USD (chiếm 12,4%), tăng 136,0%; dứa đạt 1,5 triệu USD (chiếm 7,8%), tăng 69,5%; thanh long đạt 1,3 triệu USD (chiếm 7,0%), tăng 45,9%; dưa đạt 1,1 triệu USD (chiếm 5,5%), tăng 121,0%...

Hình 5: Cơ cấu một số loại rau quả chính xuất khẩu sang EU trong tháng 6/2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 6/2021, rau quả chế biến đạt 7,2 triệu USD (chiếm 37,3% tổng giá trị xuất khẩu), tăng 8,8% so với cùng kỳ 2020. Tỷ trọng các loại sản phẩm chế biến lần lượt là: (i) nước ép, nước cốt trái cây (mã HS.2009) chiếm 23,2% tổng giá trị xuất khẩu sản phẩm chế biến, giảm 14,6% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020; (ii) trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (mã HS.2008) chiếm 10,4%, tăng 203,0%; ...

Giá trị nhập khẩu rau quả của Việt Nam từ thị trường EU tháng 6 năm 2021 đạt 2,3 triệu USD, chiếm 1,9% tổng giá trị nhập khẩu, tăng 12,1% so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung 6 tháng đầu năm 2021, giá trị nhập khẩu đạt 17,3 triệu USD, tăng 12,1% so với cùng kỳ năm 2020. Trong tháng 6/2021, sản phẩm rau quả Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là khoai tây đạt 926,6 nghìn USD (chiếm 40,7% thị phần), tăng 48,8% so với cùng kỳ năm 2020; táo đạt 421,7 nghìn USD (chiếm 18,5%), tăng 156,1%; ...

Trong tháng 6/2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường EU là Công ty TNHH MTV The Fruit Republic Cần Thơ, Công ty CP Thực phẩm Xuất khẩu Đồng Giao và Công ty CP Nafoods Group với thị phần xuất khẩu lần lượt là: 7,9%; 7,2% và 6,7%. So với cùng kỳ năm ngoái, kim ngạch xuất khẩu của là Công ty TNHH MTV The Fruit Republic Cần Thơ tăng 55,1%, Công ty CP Thực phẩm Xuất khẩu Đồng Giao tăng 101,3% và Công ty CP Nafoods Group giảm 25,4%.

3. CÀ PHÊ

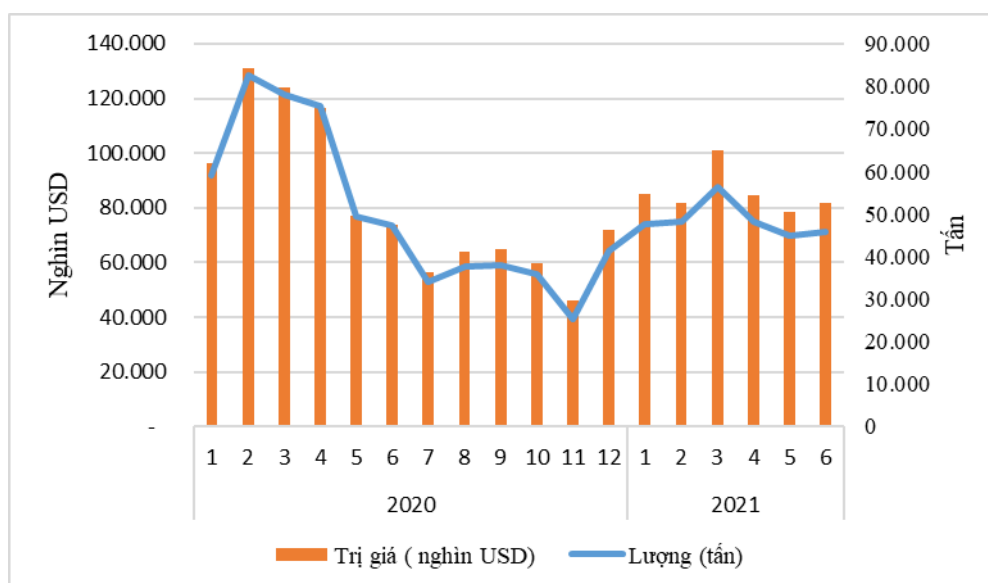
Theo Thương vụ Việt Nam tại Thụy Điển, cà phê chất lượng cao được chú trọng ở khu vực Bắc Âu, điển hình là các nước Na Uy, Thụy Điển và Đan Mạch. Ở châu Âu, Đan Mạch, Thụy Điển và Na Uy ghi nhận mức tăng trưởng doanh số bán lẻ tại quán cà phê lớn nhất kể từ năm 2010, số lượng chuỗi cà phê và các nhà rang xay siêu nhỏ cũng không ngừng tăng lên. Người tiêu dùng ở khu vực này quan tâm đến các sản phẩm hữu cơ và thương mại công bằng, nên các chứng nhận như Rainforest Alliance-UTZ, Fairtrade đóng vai trò rất quan trọng. Do văn hóa cà phê, thị trường tiếp tục tăng trưởng. Doanh thu từ cà phê của Thụy Điển dự kiến đạt 7,13 tỷ USD trong năm 2021, giá trị thị trường được dự báo tăng trưởng trung bình 5,83%/năm trong giai đoạn 2021-2025. Trong khi đó, doanh thu cà phê ở Đan Mạch được dự báo sẽ đạt mức 6,83% trong năm nay, dự kiến sẽ tiếp tục tăng mạnh, trung bình 8,06% trong giai đoạn 2021-2025. Thị trường cà phê ở Na Uy dự báo đạt 4,04 tỷ USD (tính theo giá bán lẻ) trong năm nay với mức tăng trưởng được dự báo là 5,25% trong giai đoạn 2021-2025.

Ủy ban Châu Âu mới đây ban hành Quy định thực thi mới số 2021/1165 (Commission Implementing Regulation (EU) 2021/1165) về việc ban hành danh mục các sản phẩm, các chất được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ, thay thế Quy định của Ủy ban Châu Âu (EC) số 889/2008. Quy định mới 2021/1165 thiết lập danh mục chi tiết các loại sản phẩm và các chất được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ ở tất cả các công đoạn trong quá trình sản xuất hữu cơ đối với sản xuất trồng trọt, chăn nuôi thủy sản. Quy định này cũng đưa ra quy định về Thủ tục cấp phép cụ thể cho việc sử dụng các sản phẩm và các chất ở một số lĩnh vực sản xuất nông nghiệp. Quy định sẽ có hiệu lực từ ngày 1/1/2022.

EU là thị trường xuất khẩu cà phê lớn nhất của Việt Nam, chiếm khoảng 40% giá trị xuất khẩu. Trong tháng 6/2021, xuất khẩu cà phê của Việt Nam vào thị trường EU đạt 45,71 nghìn tấn, trị giá 81,62 triệu USD, tăng 1,97% về lượng và 3,95% về

giá trị so với tháng trước và giảm 3,54% về lượng và tăng 10,94% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 6: Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá cà phê Robusta tại London trong tháng 6/2021 tăng do tình trạng thiếu container và chi phí vận tải tăng cao, cùng với việc lo ngại nguồn cung giảm do Brazil giảm sản lượng. Giá xuất khẩu tháng 6 thị trường EU là 1785 USD/tấn, tăng 1,94% so với tháng trước và tăng 15% so với cùng kỳ.

Hình 7: Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường EU



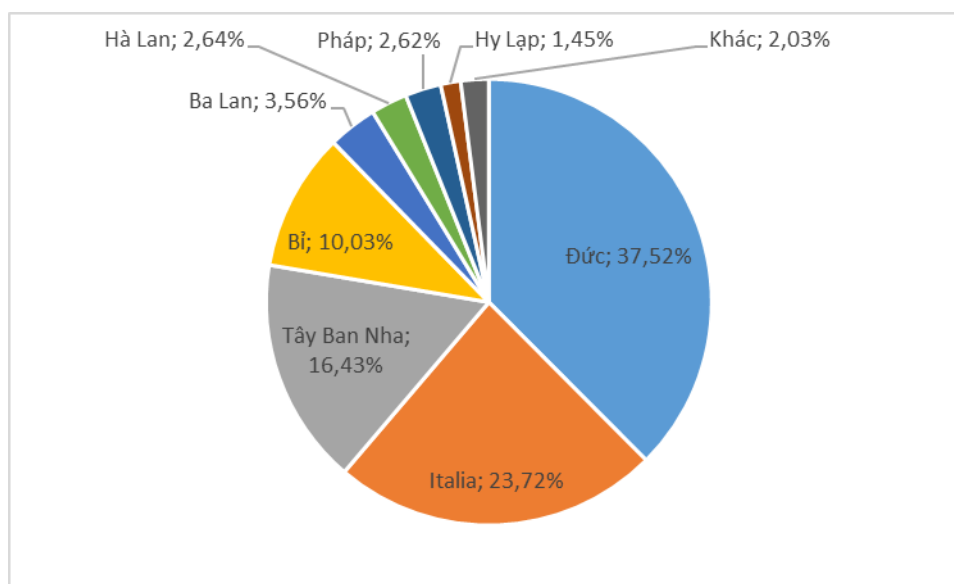
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tình trạng thiếu container vận chuyển vẫn tồn tại, nhu cầu thị trường vượt quá khả năng cung cấp dẫn đến giá cước vận chuyển tăng vọt. Các chuyến tàu bị hủy khiến hàng không thể xuất được, bị tồn đọng lại các cảng xuất với các điều kiện bảo quản thô sơ khiến ảnh hưởng đến chất lượng. Cả nhà nhập khẩu và xuất khẩu đều trong tình trạng lưỡng lự đưa hàng vào lưu thông trong khi tồn kho Cà phê Robusta

đạt chuẩn trên Sở ICE London liên tục suy giảm trong suốt tháng 6 khiến giá cà phê bị đẩy lên cao đối với các hợp đồng có kỳ hạn gần, vượt xa các hợp đồng có kỳ hạn xa (điều rất hiếm xảy ra đối với giao dịch hàng hóa kỳ hạn).

Các thị trường nhập khẩu cà phê Việt Nam lớn nhất tại EU trong tháng 6/2021 lần lượt là Đức chiếm tỷ trọng 37,5 %, Italia chiếm 23,7%, Tây Ban Nha chiếm 16,4%, Bỉ chiếm 10%, Ba Lan 3,56%.

Hình 8: Cơ cấu xuất khẩu cà phê Việt Nam sang các nước EU

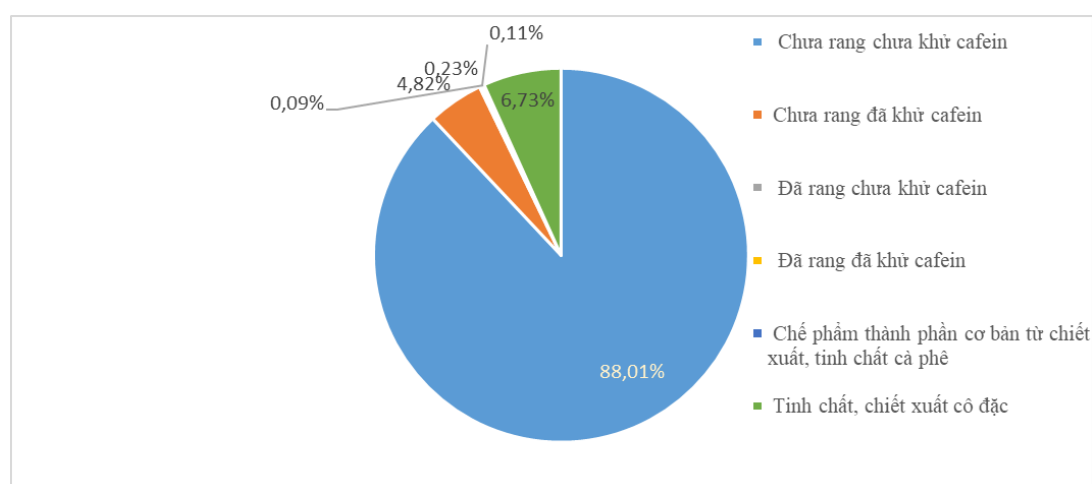


Nguồn: Tổng cục Hải quan

So với tháng trước, một số thị trường có kim ngạch tăng là Hà Lan (tăng 39%), Bồ Đào Nha (tăng 35%), Italia (tăng 31%), Tây Ban Nha (tăng 26%) trong khi đó một số thị trường có kim ngạch giảm là: Đan Mạch (giảm 100%), Hà Lan (giảm 43%), Rumani (giảm 42%), Bỉ (giảm 30%), Hy Lạp (giảm 17%).

Về cơ cấu sản phẩm, cà phê nhân chiếm 94,22%, cà phê hòa tan chế biến, tinh chất chiếm 6,82%. Tỷ trọng cà phê chế biến tăng 1,04% so với tháng trước cụ thể:

Cà phê chưa rang, chưa khử caffein đạt 71 triệu USD, chiếm tỷ trọng 88,01%, tăng 8,13% so với cùng kỳ. Tinh chất, chiết xuất cô đặc đạt 5,4 triệu USD, chiếm tỷ trọng 6,73%, tăng 29,28 % so với cùng kỳ. Trong khi đó, xuất khẩu cà phê chưa rang, đã khử caffein đạt 3,9 triệu USD, chiếm tỷ trọng 4,82 %, tăng 50,65% so với cùng kỳ. Cà phê đã rang, chưa khử caffein đạt 190 triệu USD, chiếm tỷ trọng 0,23%, tăng 1.709% so với cùng kỳ.

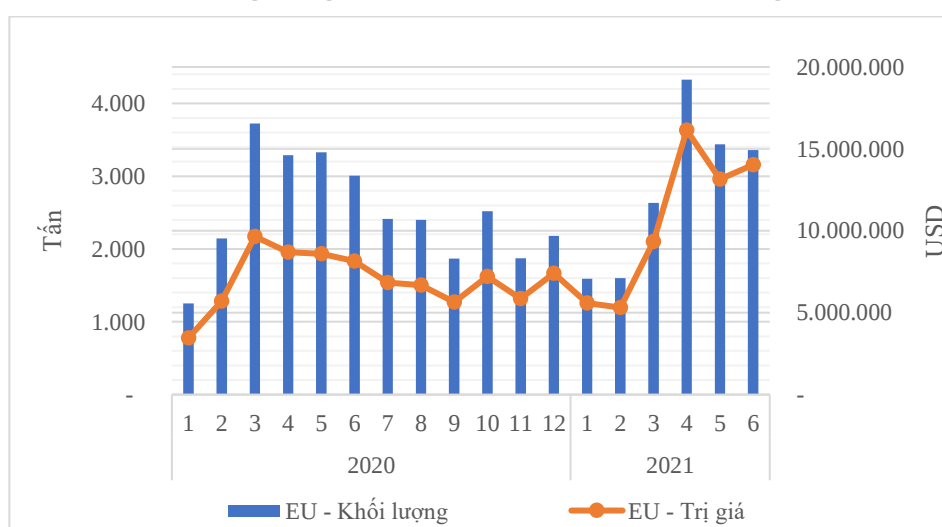
Hình 9: Cơ cấu sản phẩm, cà phê xuất khẩu sang EU

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 6/2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường EU là: Công ty cổ phần Tập đoàn Intimex, Công Ty TNHH Dakman Việt Nam, Công ty TNHH Neumann Gruppe với thị phần lần lượt là: 7,77%; 6,02% và 6,01%.

4. HỒ TIÊU

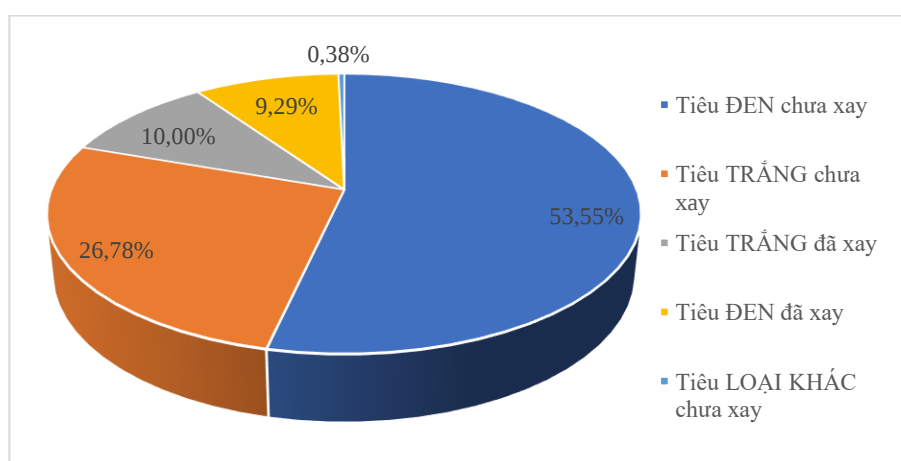
Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 6/2021, Việt Nam xuất khẩu được 3.359 tấn hồ tiêu với trị giá 14 triệu USD, giảm nhẹ 2,3% về khối lượng nhưng tăng 6,72% về giá trị so với tháng 5/2021, tăng 11,74% về khối lượng và tăng 72,18% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 10: Khối lượng và giá trị xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường EU

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 6/2021, tiêu đen chưa xay vẫn là loại sản phẩm chính của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường này chiếm 53,55% tổng giá trị xuất khẩu tiêu vào EU, giảm 4,77% so với tháng trước và tăng 5,54% so với cùng kỳ năm trước. Sản phẩm được xuất khẩu nhiều thứ hai là tiêu trắng chưa xay, chiếm 26,78% tổng giá trị xuất khẩu vào thị trường này, tăng nhẹ 3,13% so với tháng trước và giảm nhẹ 1,95% so với cùng kỳ năm trước. Tiêu đen và trắng đã xay và các sản phẩm phụ của tiêu như vỏ tiêu, tiêu lép... cũng được nhập khẩu vào thị trường này, chiếm 19,67%, tăng 9,1% so với tháng trước đó.

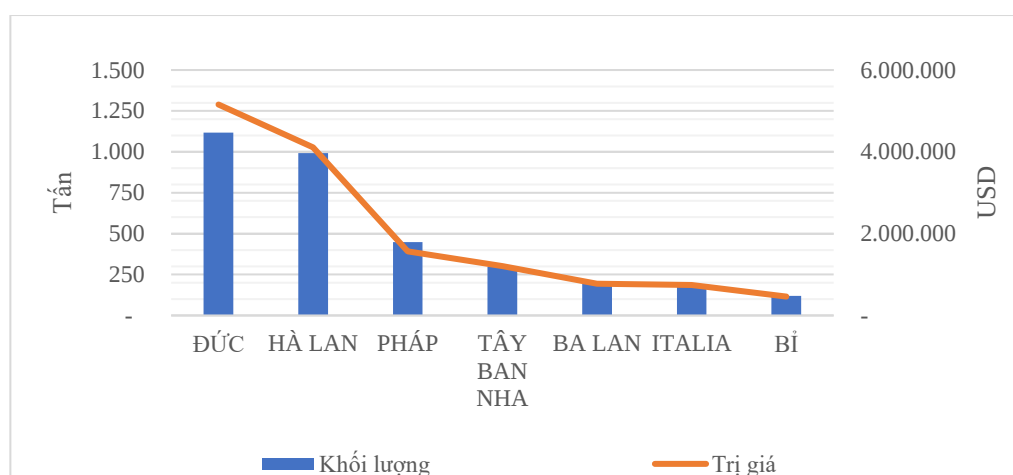
Hình 11: Cơ cấu xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường EU tháng 6/2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Đức vẫn tiếp tục là quốc gia dẫn đầu trong khối EU về khối lượng và kim ngạch nhập khẩu hồ tiêu từ Việt Nam trong tháng 6/2021 với 1.118 tấn (chiếm 33,28% tổng khối lượng xuất khẩu tiêu của Việt Nam vào EU), đạt trị giá xấp xỉ 5,2 triệu USD (chiếm 36,77% tổng kim ngạch xuất khẩu tiêu của Việt Nam vào EU). Xếp sau vẫn là Hà Lan với 992 tấn (chiếm 29,53%, tăng 12,89% so với tháng 5/2021), đạt trên 4,11 triệu USD (chiếm 29,33%, tăng 24,55% so với tháng 5/2021) và Pháp với 449 tấn (chiếm 13,37%, giảm 33,08% so với tháng 5/2021), đạt gần 1,57 triệu USD (chiếm 11,19%, giảm 21% so với tháng 5/2021). Bỉ vẫn là thị trường nhập khẩu tiêu nhỏ nhất trong khối EU của Việt Nam song đã có những tăng trưởng nhất định về kim ngạch và khối lượng trong tháng này, đạt 120 tấn (chiếm 3,57%) và 462 nghìn USD (chiếm 3,29%), tăng 253% về khối lượng và 255% so với tháng 5/2021.

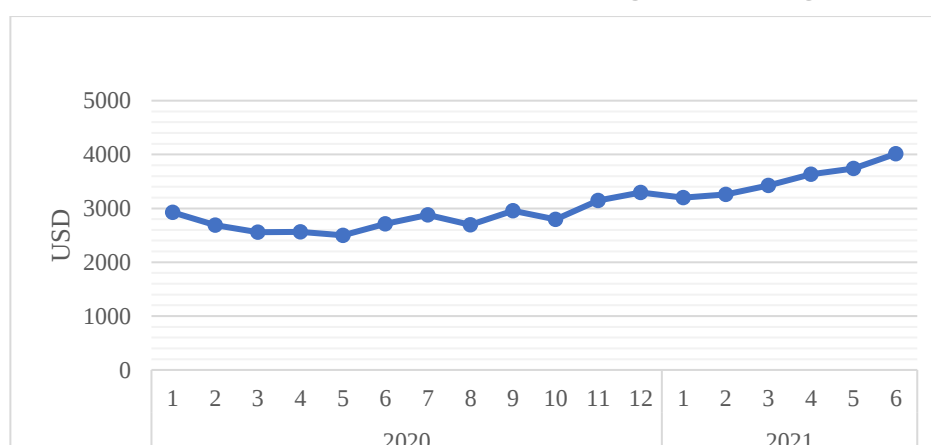
Hình 12: Kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu Việt Nam tới các nước trong khối EU tháng 6/2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cùng với giá trị xuất khẩu, đơn giá xuất khẩu hồ tiêu vào EU cũng tăng liên tục kể từ tháng 1/2021. Giá xuất khẩu trung bình tháng 6/2021 đạt mức 4.014 USD/tấn, tăng 7,4% so với tháng 5/2021 và tăng 47,9% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 13: Giá xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường EU



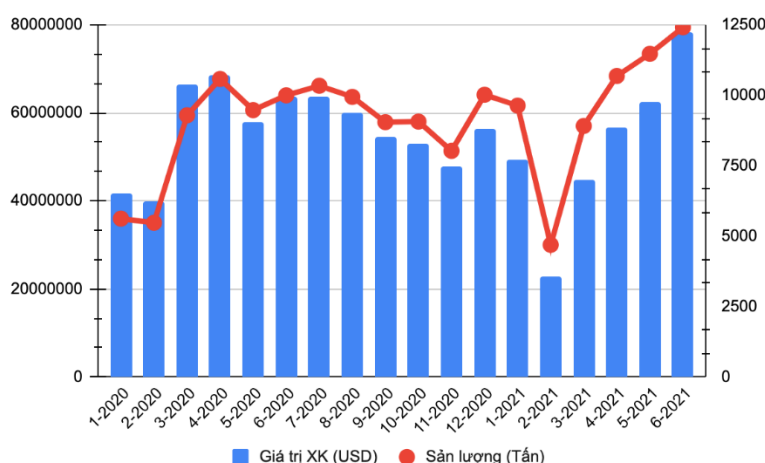
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 6/2021, giữ vị trí số 1 trong Top 3 doanh nghiệp xuất khẩu lớn nhất sang thị trường EU là Công ty Cổ phần Tập đoàn Trân Châu, chiếm 29,31% tổng giá trị hồ tiêu xuất khẩu sang thị trường này. Đây là doanh nghiệp thành viên của Công ty CP Thương mại - Dịch vụ - Xuất nhập khẩu Trân Châu vốn là luôn nằm trong Top 3 về kim ngạch xuất khẩu tiêu của Việt Nam sang EU. Xếp sau vẫn là Chi nhánh Long Bình của Công ty TNHH Olam Việt Nam và Công ty CP Phúc Sinh, chiếm lần lượt là 14,95% và 9,96% tổng giá trị hồ tiêu xuất khẩu sang thị trường này. Tuy nhiên so với tháng trước đó, cả 3 doanh nghiệp này đều giảm về kim ngạch, lần lượt là 4,9%, 1,2% và 9,8%.

5. HẠT ĐIỀU

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 6/2020, Việt Nam xuất khẩu được 12,42 nghìn tấn điều, trị giá 78,44 triệu USD sang thị trường EU, tăng 24,2% về khối lượng và tăng 23,6% về giá trị so với cùng kỳ năm trước. Tính hết 6 tháng đầu năm 2021, giá trị xuất khẩu điều sang thị trường này đạt 314,17 triệu USD, tương ứng với 57,82 nghìn tấn, giảm 7,1% về giá trị và tăng 14,6% về sản lượng so với cùng kỳ năm trước.

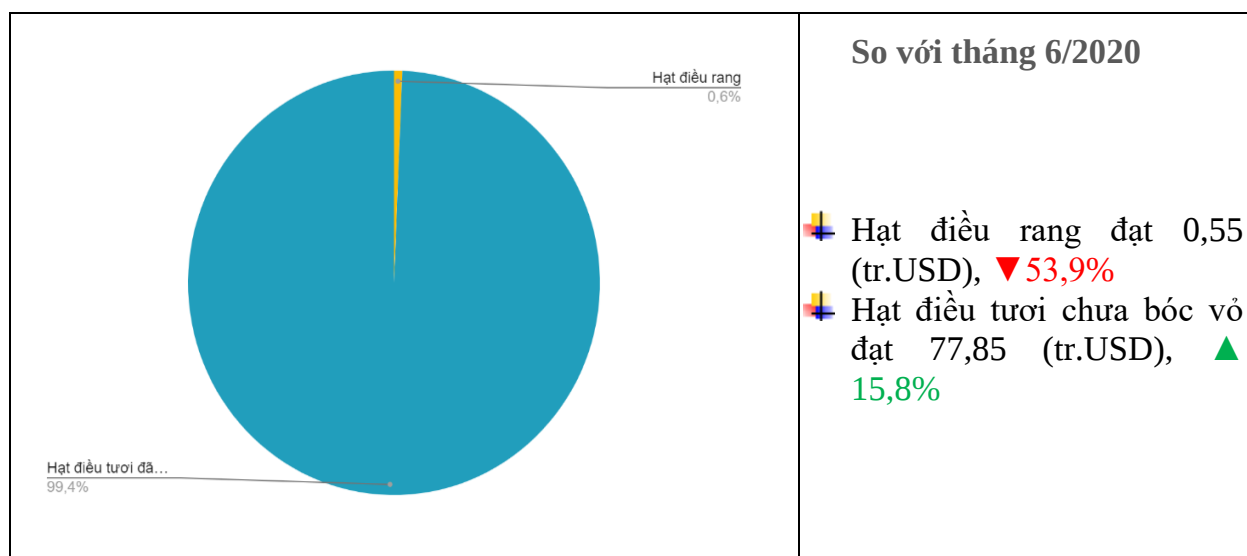
Hình 14: Khối lượng và giá trị xuất khẩu điều sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Xuất khẩu điều sang thị trường này đang có xu hướng tăng trở lại khi các nhà xuất khẩu Việt Nam tận dụng tốt lợi thế cạnh tranh khi 5 tháng đầu năm Ấn Độ (nguồn nhập khẩu hạt điều lớn của thị trường này) bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid.

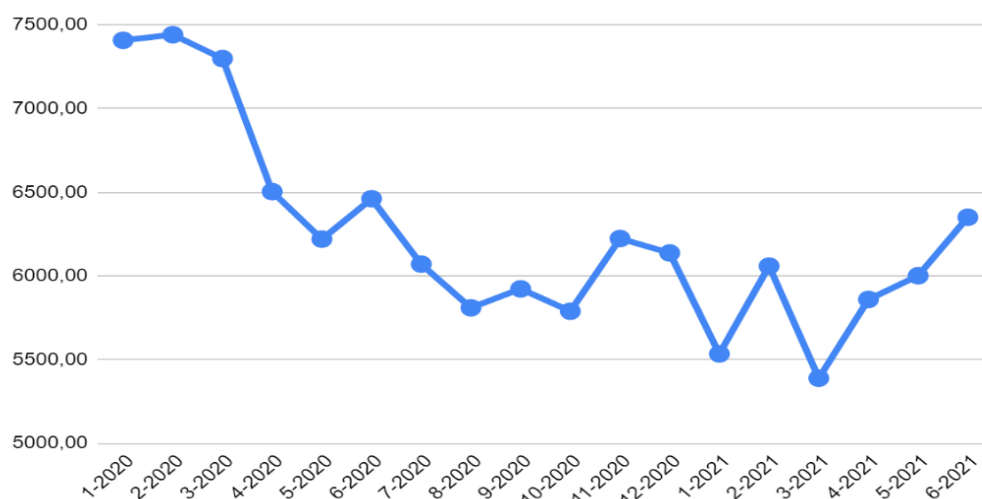
Hình 15: Cơ cấu sản phẩm điều xuất khẩu sang thị trường EU tháng 6/2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 6/2021, giá xuất khẩu điều sang thị trường này có xu hướng tăng nhẹ so với tháng trước, đây là tháng thứ 3 giá xuất khẩu điều Việt Nam tăng đạt 6.350,26 USD/tấn, tăng 5,8%. Tuy nhiên, so với cùng kỳ năm trước giá xuất khẩu điều vẫn giảm 1,7%.

Hình 16: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Đối với điều tươi đã bóc vỏ, giá xuất khẩu bình quân sang thị trường này tháng 6/2021 đạt trung bình là 6,66 USD/kg tăng 3,9% so với tháng trước và 2,9% so với cùng kỳ năm trước. Đối với hạt điều rang đạt trung bình đạt 9,32 USD/kg giảm lần lượt là 6,9% và 11,5% so với tháng trước và cùng kỳ năm trước.

Tháng 6/2021, 3 công ty xuất khẩu điều lớn nhất sang thị trường này bao gồm: Công ty trách nhiệm hữu hạn Olam Việt Nam chiếm 10,77%; Công ty TNHH Điều INTERSNACK Việt Nam chiếm 4,25%; Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu Lộc Việt Cường chiếm 3,2%.

6. THỦY SẢN

Theo số liệu của nhà phân tích Ragnar Nystoyl của Kontali, dự kiến sản lượng cá thịt trắng nuôi và khai thác tự nhiên năm 2021 của EU đạt 13 triệu tấn, tăng 3,7%, tức là tăng hơn 700.000 tấn so với năm 2020. Trong đó, sản lượng cá tra, cá rô phi và cá Alaska pollock đạt mức cao nhất trong nhóm cá thịt trắng.

EU đang là khu vực nhập sản phẩm cá thịt trắng lớn nhất thế giới và theo số liệu cập nhật nhất của ITC, 4 tháng đầu năm nay, tổng giá trị nhập khẩu cá thịt trắng của thị trường này cũng giảm đến 16,7%. Trong đó, philê Alaska pollock (HS 030475)

có giá trị NK lớn nhất, tiếp đó là một số sản phẩm cá tuyệt như cá Hake, cá Cod (HS 030471; 030363; 030251; 030474; 030366).

Theo Bộ Công Thương, tính đến ngày 30/6, việc lắp đặt thiết bị giám sát hành trình (VMS) trên tàu cá có chiều dài từ 15 m trở lên có tín hiệu trên hệ thống giám sát hành trình tàu cá là 26.915 tàu, đạt 87,5%. Số lượng tàu cá thực hiện đánh dấu theo quy định là 85.620 tàu, đạt 90,5%.

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 6/2021, xuất khẩu thủy sản sang thị trường EU đạt 95,27 triệu USD, tăng 30,2% so cùng kỳ năm 2020, và giảm 8,2% so với tháng 5/2021.

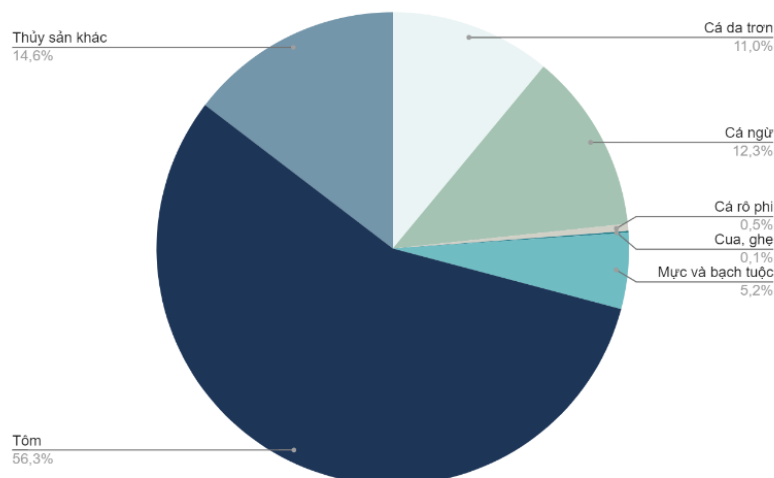
Hình 17: Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bên cạnh thị trường Hoa Kỳ, thị trường EU cũng là thị trường giữ được đà tăng trưởng cao từ tháng 2 đến nay. Những mặt hàng thủy sản chủ lực vẫn giữ được tốc độ tăng trưởng cao như cá ngừ tăng 70% so với cùng kỳ năm trước; tôm tăng 37,7%. Tuy nhiên tốc độ tăng trưởng đang có xu hướng chững lại và giảm dần so với tháng trước. (tôm giảm 4,3% và cá ngừ giảm 16,3%).

Hình 18: Cơ cấu xuất khẩu các mặt hàng thủy sản sang thị trường EU tháng 6/2021



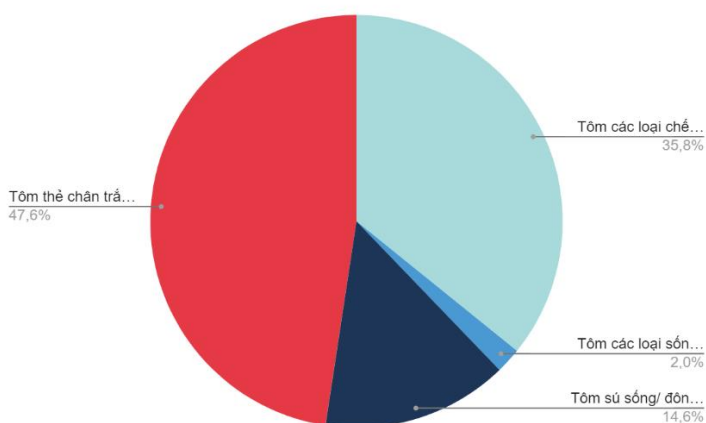
So với tháng 6/2020

- ✚ Cá ngừ đạt 11,73 (tr.USD) ▲ 70%
- ✚ Tôm đạt 53,57 (tr.USD) ▲ 37,7%
- ✚ Mực và bạch tuộc đạt 4,96 (tr.USD) ▲ 30,8%
- ✚ Cá rô phi đạt 0,44 (tr.USD) ▲ 24,5%
- ✚ Thủy sản khác đạt 13,92 (tr.USD) ▲ 11,4%
- ✚ Cá da trơn đạt 10,51 (tr.USD) ▲ 10,1%
- ✚ Cua ghẹ đạt 0,14 tr.USD, ▼ 88,4%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Xuất khẩu tôm sang thị trường này vẫn giữ được tốc độ tăng trưởng 2 con số, trong đó sản phẩm tôm chế biến đang có xu hướng tăng cao và chiếm tỷ trọng lớn trong tổng sản phẩm tôm xuất khẩu sang thị trường này. Tính hết 6 tháng đầu năm 2021, giá trị tôm chế biến xuất khẩu sang thị trường này đạt 109,01 triệu USD, chiếm 42,7% tổng sản lượng tôm xuất khẩu, tăng 26,6% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 19: Cơ cấu sản phẩm tôm xuất khẩu sang thị trường EU tháng 6/2021



So với tháng 6/2020

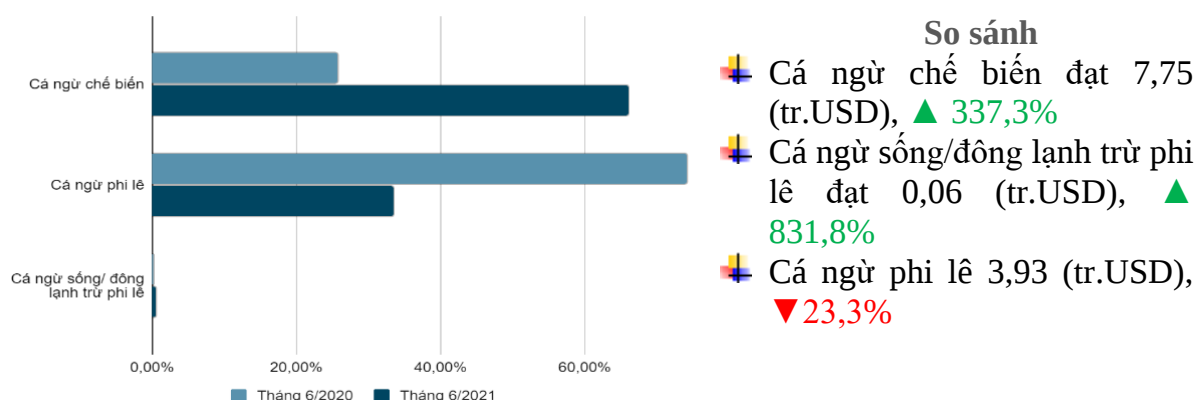
- ✚ Tôm thê chân trắng sống/đông lạnh đạt 25,50 (tr.USD), ▲ 50,8%
- ✚ Tôm sú sống/ đông lạnh đạt 7,82 (tr.USD), ▲ 34,8%
- ✚ Tôm chế biến các loại đạt 19,17 (tr.USD), ▲ 25,3%
- ✚ Tôm các loại khác đạt 1,08 (tr.USD), ▲ 22,5%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 6/2021, cá ngừ là sản phẩm có tốc độ tăng trưởng tốt so với cùng kỳ năm trước và sản phẩm cá ngừ chế biến có mức tăng trưởng lớn (tăng 337,3%) điều này

cho thấy các doanh nghiệp xuất khẩu đã dần quen được nhu cầu sản phẩm của thị trường trong thời kỳ Covid.

Hình 20: Cơ cấu sản phẩm cá ngừ xuất khẩu sang thị trường EU tháng 6 năm 2020 và tháng 6 năm 2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá xuất khẩu bình quân một số mặt hàng xuất khẩu thủy sản sang thị trường này trong tháng 6/2021 như sau: Tôm đạt 8,80 USD/kg, tăng 0,9% so với cùng kỳ năm 2020, và giảm 7,9% so với tháng trước; Cá da trơn đạt 2,19 USD/kg, tăng 1% so với tháng 6/2020 và 0,4% so với tháng trước; Cá ngừ đạt 7,96 USD/kg, giảm 5,3% so với cùng kỳ năm trước.

Bảng 1: Giá xuất khẩu một số loại thủy sản sang thị trường EU tháng 6/2021

TT	Sản phẩm	Giá (USD)	So năm trước (%)	So tháng trước (%)
1	Cá da trơn	2,19	1,0%	0,4%
2	Cá ngừ	7,96	-5,3%	17,6%
3	Cá rô phi	1,96	5,1%	-11,6%
4	Mực và bạch tuộc	6,09	8,2%	2,0%
5	Tôm	8,80	0,9%	-7,9%

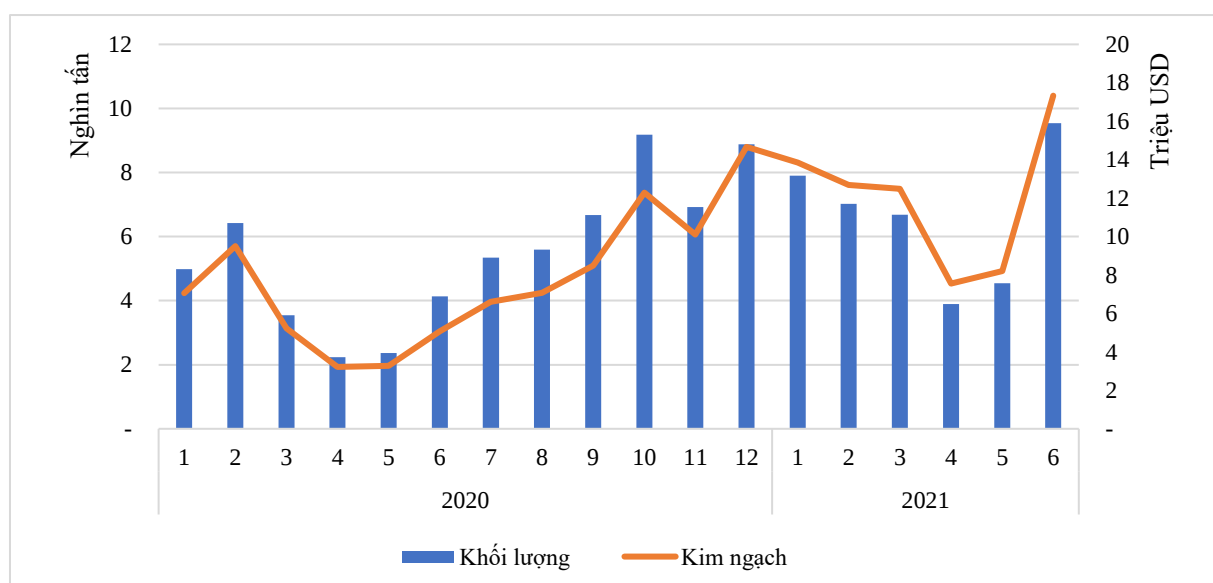
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 6 năm 2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường EU là Công ty cổ phần thủy sản Cà Mau chiếm 5,9% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang thị trường này; Công ty TNHH cá ngừ Việt Nam, chiếm 4,9%; Công ty cổ phần chế biến và dịch vụ thủy sản Cà Mau chiếm 3,8%.

7. CAO SU

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 06/2021, xuất khẩu cao su sang thị trường EU ước đạt 9,5 nghìn tấn với trị giá 17,3 triệu USD, tăng 109,9% về khối lượng và 111,4% về giá trị so với tháng trước, và tăng 130,9% về khối lượng và 241,9% về giá trị so với cùng kỳ 2020.

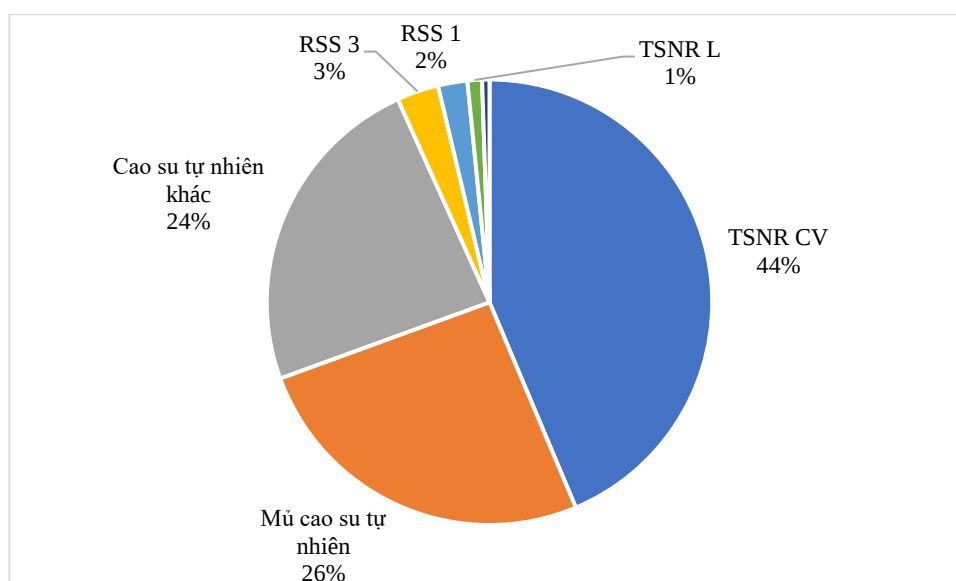
Hình 21: Khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su tự nhiên sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 06/2021, cao su tự nhiên định chuẩn kỹ thuật TSNR CV là chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường EU đạt 8,0 triệu USD, chiếm 43,7% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là mủ cao su tự nhiên với kim ngạch 4,7 triệu USD, chiếm 25,8% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là RSS 3 và RSS 1, chiếm lần lượt 3,0% và 2,1% tổng giá trị xuất khẩu sang EU.

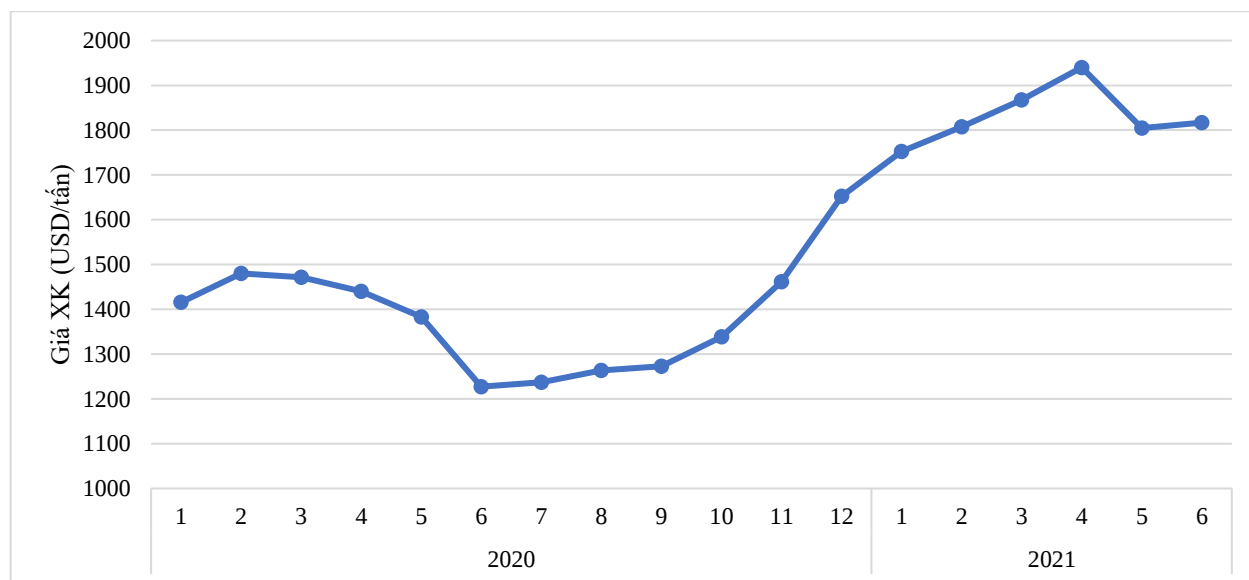
Hình 22: Chứng loại cao su tự nhiên (HS 4001) xuất khẩu sang thị trường EU theo kim ngạch tháng 06/2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

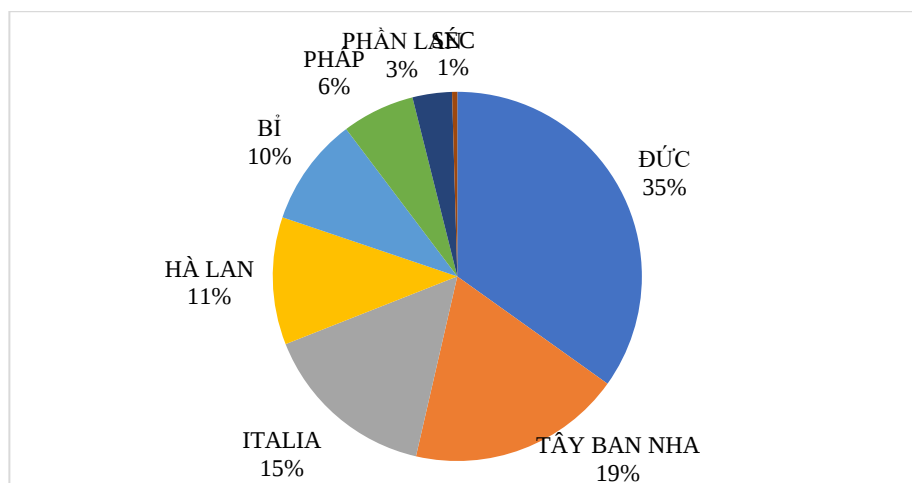
Giá cao su xuất khẩu trung bình sang thị trường EU tăng nhẹ và đạt mức 1.817 USD/tấn trong tháng 06/2021, tăng 0,7% so với tháng trước và 48,1% so với cùng kỳ 2020.

Hình 23: Giá cao su tự nhiên xuất khẩu sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 06/2021, Đức là quốc gia nhập khẩu cao su lớn nhất của Việt Nam với 6,0 triệu USD, chiếm 34,9% tổng kim ngạch xuất khẩu cao su của Việt Nam sang thị trường EU. Tây Ban Nha là quốc gia nhập khẩu lớn thứ hai với 3,2 triệu USD, chiếm 18,7%. Tiếp theo là Italia, Hà Lan và Bỉ chiếm lần lượt 15,4%, 11,2% và 9,5% trong tổng kim ngạch cao su xuất khẩu sang thị trường EU.

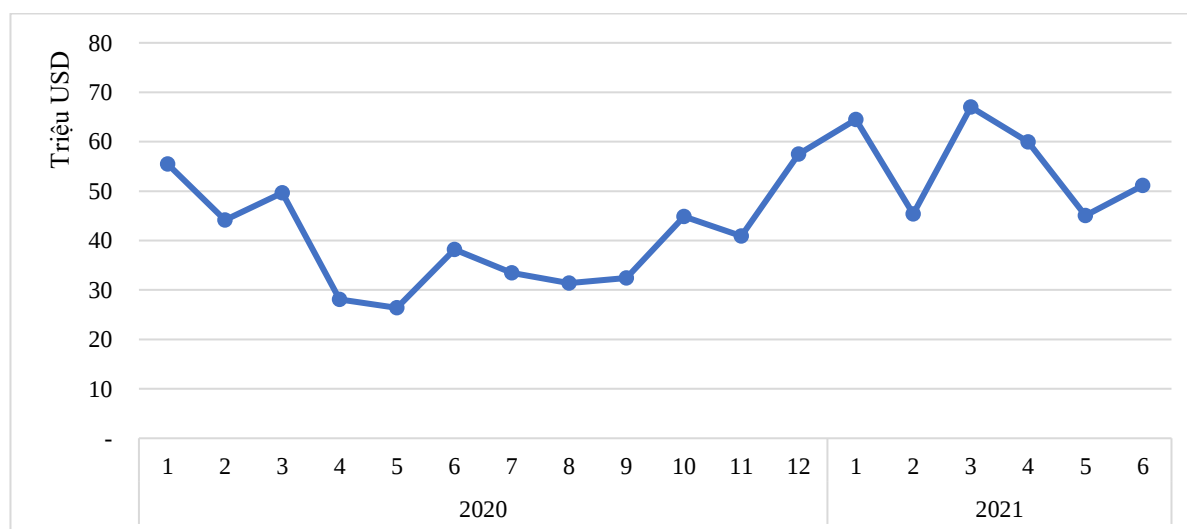
Hình 24: Xuất khẩu cao su sang một số thị trường chính trong thị trường EU

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 06/2021, top 3 công ty xuất khẩu cao su sang thị trường EU là Công ty TNHH SX Cao su Liên Anh, Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thiện Hưng và Công ty MTV Cao su Dầu Tiếng. Ba công ty này chiếm tỷ trọng lần lượt 26,3%, 7,7% và 7,2% tổng kim ngạch cao su xuất khẩu sang thị trường EU trong tháng 06/2021.

9. GỖ VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ GỖ

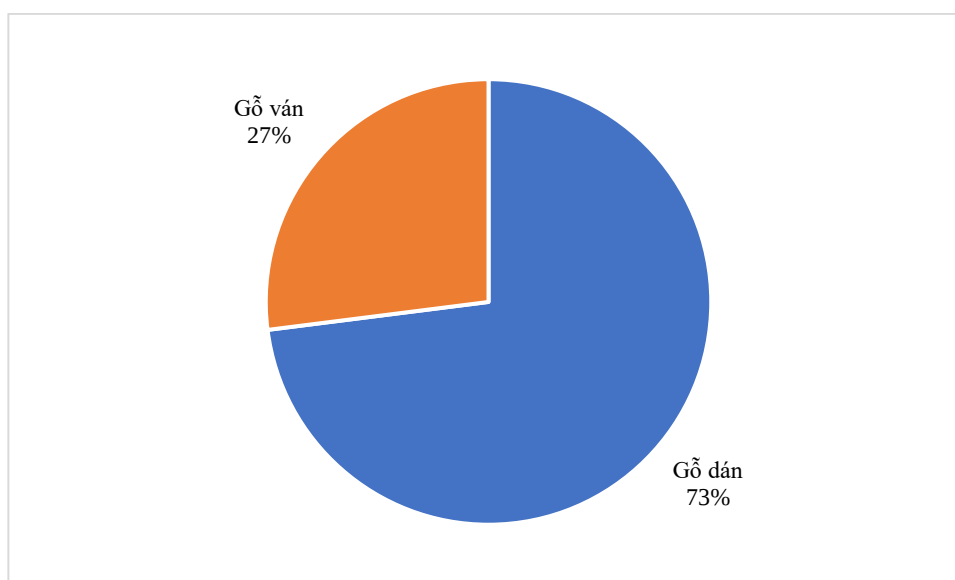
Theo Tổng cục Hải quan, tháng 06/2021, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường EU ước đạt 51,2 triệu USD, tăng 13,5% so với tháng trước, và tăng 33,9% so với cùng kỳ 2020.

Hình 25: Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường EU

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 06/2021, gỗ dán là chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường EU đạt 705,8 nghìn USD, chiếm 73,0% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là gỗ ván với kim ngạch 261,1 nghìn USD, chiếm 27,0% tổng giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường EU trong tháng 06/2021.

Hình 26: Chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ (mã HS 44) xuất khẩu sang thị trường EU theo kim ngạch tháng 06/2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 06/2021, top 3 công ty xuất khẩu sang thị trường EU là Công ty TNHH Xuất khẩu Thiên Đức Phát, Công ty TNHH VinaWood và Công ty CP TEKCOM. Ba công ty này chiếm tỷ trọng lần lượt là 45,1%, 27,0% và 21,5% tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 sang thị trường EU trong tháng 06/2021.

NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Cà phê

Bắc Âu - thị trường xuất khẩu cà phê tiềm năng của Việt Nam, đang rất chú trọng nhập khẩu cà phê hữu cơ, chất lượng cao, và đảm bảo thương mại công bằng. Tuy nhiên, các nước Bắc Âu chủ yếu nhập khẩu cà phê Arabica và chỉ nhập khẩu lượng nhỏ cà phê Robusta. Trong khi đó, Việt Nam lại chủ yếu xuất khẩu cà phê Robusta, chiếm khoảng 95% lượng xuất khẩu cà phê của Việt Nam. Ngoài ra, vấn đề môi trường cũng được các thị trường này đặc biệt quan tâm. Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA) có hiệu lực từ ngày 1/8/2020, trong đó mặt hàng cà phê được hưởng thuế 0% sẽ giúp cà phê Việt Nam có lợi thế cạnh tranh so với các đối thủ tại khu vực này, mở ra cơ hội cho các doanh nghiệp Việt Nam. Để tiếp cận thị trường cà phê Bắc Âu, các nhà xuất khẩu có thể sử dụng các kênh khác nhau để đưa cà phê vào thị trường này tùy theo chất lượng cà phê và khả năng cung cấp. Các nhà bán lẻ và các công ty rang xay cà phê ngày càng có xu hướng tìm nguồn cung ứng trực tiếp cà phê nhân. Tuy nhiên, việc thiếu container trầm trọng, dự kiến vẫn tiếp diễn trong một vài tháng tới là trở ngại rất lớn trong việc đẩy mạnh xuất khẩu cà phê sang thị trường EU. Thêm vào đó các quy định mới về các sản phẩm hữu cơ xuất khẩu sang EU cũng cần phải được đáp ứng khi quy định có hiệu lực vào đầu năm sau.

2. Hạt điều

Cục Xuất nhập khẩu dự báo trong thời gian tới xuất khẩu hạt điều sang châu Âu sẽ đối mặt với nhiều khó khăn do làn sóng COVID-19 lần thứ 4 ở cả trong nước và châu Âu. Bên cạnh đó, khó khăn do vấn đề vận chuyển và vấn đề thiếu lao động trong các nhà máy sản xuất cũng ảnh hưởng không nhỏ đến giá trị xuất khẩu của Việt Nam. Doanh nghiệp cần có những kế hoạch sản xuất cụ thể để không làm đứt gãy chuỗi sản xuất.

3. Thủy sản

Trong 6 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu thủy sản sang thị trường EU tăng trưởng ở mức 20% với giá trị kim ngạch 486 triệu USD. Tuy nhiên do ảnh hưởng dịch COVID-19, Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP) cho rằng, mức tăng trưởng này khó có thể duy trì. Nhìn chung, kinh tế các nước EU đang hồi phục nhờ những chuyển biến tích cực sau chương trình tiêm phòng vắc xin chống COVID-19 và các gói hỗ trợ sau COVID-19. Nhu cầu nhập khẩu thủy sản từ thị trường EU bắt đầu tăng mạnh từ tháng 3/2021 và dự báo sẽ tiếp tục khởi sắc trong nửa cuối năm. Tuy nhiên, hiện nay vùng nuôi trồng, chế biến thủy sản lớn nhất của

Việt Nam tại Đồng bằng sông Cửu Long đang phải đối mặt với những diễn biến phức tạp của đại dịch COVID-19, ảnh hưởng nhiều tới hoạt động xuất khẩu.

VASEP nhận định xuất khẩu thủy sản sang EU nửa cuối năm không thể duy trì tăng trưởng như nửa đầu năm. Theo ước tính của VASEP, thủy sản sang EU nửa cuối năm chỉ đạt khoảng 600 triệu USD, tăng 8% so với cùng kỳ, đưa kết quả xuất khẩu cả năm 2021 lên 1,087 tỷ USD, tăng 13% so với năm 2020.

4. Hồ tiêu

Tuy là thị trường lớn với 27 quốc gia song EU vẫn chỉ là thị trường xuất khẩu hồ tiêu lớn thứ 2 của Việt Nam, luôn đứng sau Hoa Kỳ. Hồ tiêu Việt Nam hiện mới chỉ có mặt tại 7/27 quốc gia của khối này. Tình hình dịch bệnh Covid-19 đang dần được kiểm soát trên toàn thế giới nói chung và EU nói riêng nhờ nguồn cung vacxin tăng do ngày càng nhiều quốc gia nghiên cứu và sản xuất thành công vacxin, mang lại triển vọng tốt hơn cho hoạt động xuất khẩu hàng hóa nói chung và hồ tiêu nói riêng trong thời gian tới. Như vậy, khối lượng và kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu Việt Nam vào EU được kỳ vọng sẽ tiếp tục đà tăng trưởng hiện tại trong những tháng tiếp theo.

5. Cao su

Cao su là nguyên liệu thô quan trọng cần thiết cho lốp xe ô tô, thiết bị bảo vệ cá nhân như khẩu trang và găng tay và nhiều sản phẩm thiết yếu hàng ngày khác. Ngành cao su toàn cầu vẫn phụ thuộc vào châu Á với 90% nguồn cung cao su tự nhiên. Thị trường cao su tự nhiên toàn cầu được định giá gần 40 tỷ USD vào năm 2020 và nhu cầu về cao su dự kiến sẽ tăng lên. Một phân tích dự đoán, thị trường cao su tự nhiên có thể trị giá gần 68,5 tỷ USD vào năm 2026 do nhu cầu lốp xe hơi tăng vọt.

PHỤ LỤC

Bảng 2: Xuất khẩu Nông Lâm Thủy sản sang thị trường EU tháng 6/2021

STT	Sản phẩm	Tháng 6/2021 (USD)	Tăng/giảm so tháng trước	Tăng/giảm so cùng kỳ năm 2020	Tỷ trọng
1	Cà phê	81.628.510	2,2%	7,4%	20,5%
2	Cao su	17.331.229	111,4%	241,9%	4,4%
3	Chè	115.273	-	-0,2%	0,03%
4	Gạo	3.833.306	2,2%	22,0%	1,0%
5	Gỗ và sản phẩm gỗ	51.156.588	13,5%	33,9%	12,9%
6	Hàng rau quả	19.208.430	11,5%	25,4%	4,8%
7	Hàng thủy sản	95.271.488	-8,2%	30,2%	23,9%
8	Hạt điều	78.436.691	25,8%	23,4%	19,7%
9	Hạt tiêu	14.024.586	6,7%	72,2%	3,5%
10	Sản phẩm mây, tre, cói và thảm	22.496.328	23,8%	90,0%	5,7%
11	Sản phẩm từ cao su	14.551.085	-12,4%	59,8%	3,7%
Tổng 11 mặt hàng chính		398.053.514	3,3%	33,9%	100,0%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 3: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang EU tháng 6/2021

TT	Loại sản phẩm	Tháng 6/2020		Tháng 6/2021		So sánh 2021/2020 (%)	
		Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
1	Gạo thơm	4.142	2.311.180	3.796	2.595.168	-8,4%	12,3%
2	Gạo Japonica	814	450.168	933	601.762	14,7%	33,7%
3	Các loại gạo khác	580	381.063	752	636.377	29,8%	67,0%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 4: Giá trị xuất khẩu một số loại rau quả chính sang EU tháng 6/2021

TT	Sản phẩm	Tháng 6/2020	Tháng 6/2021	So sánh
		(USD)	(USD)	T6.2021/T6.2020
	Tổng giá trị XK	15.313.534	19.208.430	25,4%
1	Chanh	6.410.025	5.689.259	-11,2%
2	Xoài	1.012.873	2.390.215	136,0%
3	Dừa	885.148	1.500.330	69,5%
4	Thanh long	916.504	1.336.730	45,9%
5	Dứa	479.390	1.059.227	121,0%
6	Vải	180.846	953.696	427,4%
7	Khác	5.428.748	6.278.974	15,7%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 5: Xuất khẩu sản phẩm thủy sản sang thị trường EU tháng 6/2021

Loại sản phẩm	Tháng 6/2020	Tháng 6/2021	So sánh
	(tr. USD)	(tr. USD)	2021/20 (%)
Cá da trơn	10.513.148,20	9.549.076,07	10,1%
Cá ngừ	11.728.439,33	6.897.309,45	70,0%
Cá rô phi	443.181,10	355.886,26	24,5%
Cua, ghe	138.241,40	1.188.733,94	-88,4%
Mực và bạch tuộc	4.957.427,58	3.790.721,81	30,8%
Tôm	53.568.842,82	38.892.324,05	37,7%
Thủy sản khác	13.922.207,38	12.493.416,02	11,4%
Tổng	95.271.487,82	73.167.467,58	30,2%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 6: Xuất khẩu sản phẩm cà phê sang thị trường EU tháng 6/2021

Mặt hàng	T6/2020 (USD)	T6/2021 (USD)	So sánh T6/2020 và T6/2021
Chưa rang chưa khử cafein	66.442.146	71.844.942	8,13%
Chưa rang đã khử cafein	2.610.562	3.932.717	50,65%
Đã rang chưa khử cafein	10.507	190.099	1709,29%
Đã rang đã khử cafein	265.511	91.808	-65,42%
Chế phẩm thành phần cơ bản từ chiết xuất, tinh chất cà phê	3.866	75.894	1862,93%
Tinh chất, chiết xuất cô đặc	4.249.047	5.493.050	29,28%
Tổng	78.265.533	79.844.907	2,02%

Nguồn: Tổng cục Hải quan